



Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh

Tu tuong ho chi minh (Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

1. Nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, chỉ rõ vị trí, vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Trong thời gian hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên vào tháng 5/1925 tại Quảng Châu, Trung Quốc để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam nhằm thức tỉnh nhân dân, nhất là lực lượng thanh niên đứng lên đấu tranh cách mạng. Người chỉ rõ: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”(2). Qua đó, có thể thấy Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sức mạnh to lớn từ lớp thanh niên có thể gánh vác, đảm đương sự nghiệp cách mạng; là lực lượng đông đảo, luôn xung kích, sáng tạo, đi đầu trong mọi lĩnh vực nếu vai trò của họ được coi trọng và phát huy. Người chỉ rõ: “Tính trung bình, thanh niên chiếm độ 1 phần 3 tổng số nhân dân - tức là một lực lượng to lớn” và “thanh niên là bộ phận quan trọng của dân tộc”(3).

Hai là, đưa ra những nội dung, hình thức, biện pháp để giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thanh niên cần được tiến hành toàn diện sâu sắc, nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, vì đây là cội nguồn đạo đức cách mạng của thanh niên. Người nhấn mạnh: “Trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kinh tế, lao động và sản xuất”(4). Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin giúp cho thanh niên sống có tình, có nghĩa hơn, biết hy sinh phấn đấu cho lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; có lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết; đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không ham địa vị công danh và phú quý, chớ kiêu ngạo và tự mãn... Người khẳng định: “Thanh niên phải luôn luôn rèn luyện đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng có thể tóm tắt trong mấy điểm:

- Trung thành: Trọn đời trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp.
- Dũng cảm: Không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm”, “gian khổ thì đi trước, hưởng thụ sau mọi người”.
- Khiêm tốn: Không nên tự cho mình là tài giỏi, không khoe công, không tự phụ”(5).

Về hình thức, biện pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ việc tự giác, không ngừng tu dưỡng phấn đấu rèn luyện là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất để thanh niên sửa đổi

những khuyết điểm, sai lầm trong cuộc sống, trong công việc. Người nhấn mạnh: “Thanh niên phải xung phong đến những nơi khó khăn gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít kết quả, thanh niên phải xung phong đến làm cho tốt..., phải xung phong đến những nơi khó khăn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xung phong là đi trước, làm trước để lôi cuốn quần chúng chứ không phải là xa rời quần chúng”(6).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng phê phán mạnh mẽ những thanh niên không chịu học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, chỉ lo cho bản thân, ham chơi, ham vui, không quan tâm, lo lắng đến đồng bào, đất nước, tham lam vật chất, ham sung sướng, xa xỉ, kiêu ngạo, lười lao động... Vì vậy, Người đã đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho thanh niên giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng thống nhất không tách rời nhau giữa nghĩa vụ và quyền lợi, trong đó nghĩa vụ là yếu tố đặt lên hàng đầu, thanh niên phải xác định tốt nhiệm vụ với Tổ quốc, với Đảng và với Nhân dân. Người chỉ rõ: “Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã làm cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn? Mình vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào”(7).

2. Thực trạng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã kế thừa, vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh để giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, đáp ứng với đòi hỏi của tình hình cách mạng đặt ra ở mỗi giai đoạn, thời kỳ khác nhau. Trong kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược, lớp lớp thanh niên đã không quản hy sinh, chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho Nhân dân; không ngại khó khăn, vất vả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, cấp ủy đảng và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; triển khai nhiều chương trình, dự án, như Dự án tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã nghèo tham gia phát triển nông thôn, miền núi... Qua đó, nhiều thanh niên đã trở thành nguồn cán bộ có chất lượng; những doanh nhân trẻ thành đạt, những gương điển hình tiên tiến trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn một số hạn chế: một số cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự chú trọng đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên; còn nặng về hình thức, chưa chú trọng đến nội dung, đi sâu vào những vấn đề đặt ra cần tập trung giáo dục cho thanh niên, như: ý chí, khát vọng vươn lên trong công việc, cuộc sống, tình yêu thương với quê hương, đất nước; kỹ năng sống; hoạt động thực tiễn; khả năng chịu đựng những khó khăn, vất vả ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của thanh niên vẫn chưa nhiều, chủ yếu chọn nơi sinh sống, làm việc có nhiều thuận lợi, điều kiện về cơ sở vật chất, kinh tế; một số thanh niên thiếu tu dưỡng phấn đấu rèn luyện, học tập, sống buông

thả, thờ ơ, bàng quan với bản thân, gia đình và xã hội; thậm chí có nhiều thanh niên vi phạm pháp luật.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Theo đó, các cấp ủy đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và gia đình phải thường xuyên quán triệt, nhận thức rõ thanh niên là lực lượng quan trọng của xã hội, lực lượng kế cận, bổ sung cho cách mạng Việt Nam. Cần chú trọng tuyên truyền, giáo dục, xây dựng thanh niên trở thành những người “vừa hồng”, “vừa chuyên” để họ nhận thấy rõ vị trí, vai trò to lớn của mình, từ đó đặt ra những yêu cầu cao cho bản thân trong quá trình phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nhấn mạnh: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội”(8).

Vì vậy, cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn các cấp phải chủ động nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của thanh niên thuộc quyền quản lý của mình, xây dựng kế hoạch, chương trình rèn luyện đạo đức cách mạng cho phù hợp với từng địa bàn, khu vực; quá trình tuyên truyền, giáo dục phải gắn với nhiệm vụ chính trị của từng thanh niên, trên từng cương vị chức trách, nhiệm vụ được giao; phải hướng đến xây dựng hình mẫu thanh niên của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước “tâm trong, trí sáng, hoài bão lớn”.

Hai là, đa dạng hóa các nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là công việc lâu dài, thường xuyên, liên tục. Do đó, nội dung giáo dục cần tập trung vào những vấn đề thiết thực, cụ thể đặt ra hiện nay mà thanh niên đang còn thiếu như: cách ứng xử, giao tiếp của thanh niên với mọi người xung quanh, với người thân và với chính bản thân mình; nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng, hoài bão trong công việc, cuộc sống, quyết tâm thực hiện bằng chính khả năng của bản thân; sống có tình thương, trách nhiệm với gia đình, người thân và xã hội; nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phong tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, địa phương; thể hiện rõ quan điểm, thái độ với các quan điểm sai trái, bịa đặt, phản động đi ngược lại với lợi ích của Đảng, của đất nước, của Nhân dân...

Hình thức, biện pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên cần linh hoạt, sáng tạo; không rập khuôn, thụ động, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm ở mỗi khu vực, địa bàn đưa ra hình thức, biện pháp cho phù hợp. Với đặc điểm lứa tuổi, tâm lý của thanh niên hiện nay cần kết hợp giữa giáo dục chung và giáo dục riêng; giữa truyền thống với hiện đại; giữa mệnh lệnh hành chính với giáo dục thuyết phục; đưa thanh niên vào hoạt động thực tiễn, mạnh dạn, tin tưởng giao nhiệm vụ cho thanh niên... Những hình thức, biện pháp trên cần được triển khai thực hiện thông qua sinh hoạt ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương nơi thanh niên đang trực tiếp sinh sống, làm việc; thông qua thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; thông qua các phong trào thi đua yêu nước; gương người tốt, việc tốt, nhân rộng điển hình tiên tiến trong thanh niên...

Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động của thanh niên trong tự rèn luyện đạo đức cách mạng.

Mỗi thanh niên cần chủ động, tích cực học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là tinh thần, ý chí vượt khó, tự rèn luyện, học tập ở mọi lúc, mọi nơi; bản thân thấy yếu mặt nào thì tập trung vào học tập, nghiên cứu, tự hoàn thiện bản thân; chủ động xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện một cách toàn diện đầy đủ, trong đó tập trung rèn luyện đạo đức cách mạng; đặt ra những yêu cầu cho bản thân trong quá trình tự giáo dục đạo đức cách mạng; thường xuyên đối chiếu, so sánh kế hoạch tự phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó có những điều chỉnh, bổ sung cho hợp lý; phối hợp chặt chẽ với các bộ phận, lực lượng trong quá trình tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng của thanh niên.

Mặt khác, cần tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động xã hội, phù hợp với môi trường, điều kiện công tác; tự đấu tranh với chính bản thân mình trong quá trình rèn luyện đạo đức cách mạng, không vì những khó khăn, thất bại trước mắt mà nản lòng, nhụt ý chí, không có động cơ, mục tiêu phấn đấu; càng ở trong tình huống khó khăn, thử thách càng phải tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, bình tĩnh, kiên định đưa ra phương hướng giải quyết hợp lý, hiệu quả.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên vẫn còn nguyên giá trị. Trong bối cảnh đất nước đang ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng với nền khoa học và kỹ thuật phát triển như vũ bão hiện nay, thanh niên Việt Nam càng cần phải trau dồi cho mình đạo đức cách mạng, có khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội, có tư duy đột phá, vững bước vượt qua mọi khó khăn, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của Đảng và Nhân dân đối với mình. Với nhiệt huyết, nghị lực, ý chí vươn lên mạnh mẽ và đang được sống trong môi trường hoà bình, đổi mới, phát triển của đất nước, thanh niên Việt Nam nhất định sẽ nêu cao tinh thần tiên phong, bản lĩnh, đoàn kết, sáng tạo góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân giữ vững và phát huy các thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, đặc biệt với tư cách là người sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 24 năm trên cương vị Chủ tịch nước, trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn hướng tới mục đích xây dựng Nhà nước ta thực sự trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Lấy dân làm gốc, Nhân dân là nguồn gốc và chủ thể của quyền lực nhà nước

Đúc kết bài học lớn trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Ngay trong Điều 1 Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp do Người trực tiếp chỉ đạo soạn thảo đã khẳng định: “Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”². “Dân là gốc”, mọi việc đều bắt nguồn từ dân, làm được hay không cũng là ở nơi dân. Không có Nhân dân sẽ không bao giờ có lực lượng cách mạng và phong trào cách mạng. Mắc bệnh quan liêu, những nhiều không những thể hiện sự xa dân, không nắm được dân, không thực hiện được sự nghiệp cách mạng cao cả mà còn làm cho dân mất niềm tin, xa Đảng và chế độ. Muốn thực sự lấy dân làm gốc, thực sự muốn gần dân, dân tin, dân quý thì: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thầy, phải có một tinh thần chí công vô tư”.

Trong suốt quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn mong muốn và khát khao hành động để xây dựng Nhà nước kiểu mới thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Trong bài viết về Dân vận, đăng trên Báo Sự thật, số 120, ngày 15/10/1949, Người đã khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁴. Hiến pháp năm 1946 do Người làm Trưởng Ban soạn thảo cũng đã thể hiện cô đọng và đầy đủ tư tưởng đó với việc xác định một trong ba nguyên tắc trụ cột là “thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” (Lời nói đầu Hiến pháp năm 1946).

Xuất phát từ quan điểm về quyền làm chủ chính trị của Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương quyết tâm tổ chức Tổng tuyển cử ngay sau khi nước ta mới giành được độc lập. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời sau ba ngày Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945, Người đã nói: “Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm

càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v..”⁵.

Chế độ chính trị dân chủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập dựa trên một nền tảng xã hội sâu và rộng, ý thức chính trị và sự tham gia của Nhân dân vào đời sống chính trị, vào quản lý nhà nước và xã hội. Từ đó Người yêu cầu: “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”⁶. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, Nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội không chỉ là phương châm chính trị, mà đã trở thành những nguyên tắc hiến định. Tất cả các bản Hiến pháp sau đó, Nhà nước ta đều khẳng định các nguyên tắc đó.

Tất cả vì con người, vì tự do, ấm no, hạnh phúc của Nhân dân

Từ năm 1921, khi mới hình thành những ý tưởng đầu tiên về việc thành lập đảng kiểu mới, Nguyễn Ái Quốc đã nghĩ: “Phải vạch ra một kế hoạch chi tiết về tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Nào là phát triển lãnh mạnh cho trẻ em, giáo dục và lao động nghĩa vụ đối với tráng niên, nghỉ ngơi cho người già, thủ tiêu mọi sự bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải dành cho một số người mà còn cho tất cả mọi người”⁷. Người trả lời: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁸. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, xét về bản chất và mục tiêu, “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”⁹.

Tư tưởng về con người, tôn trọng và bảo đảm quyền con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm trong dòng chảy của các tư tưởng vĩ đại của nhân loại. Người khái quát: “Khổng Tử, Giê Su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng đã có những điểm chung đó sao? Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, cho xã hội, nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng, họ nhất định sẽ chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết”¹⁰. Trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng nhắc lại những tư tưởng cốt lõi của tư tưởng cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp, coi các quyền con người như quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là những quyền tự nhiên, không thể tước đoạt.

Đề cao vai trò của Hiến pháp

Từ rất sớm, Hiến pháp trong tư tưởng và quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng và tiền đề của chế độ pháp quyền. Tư tưởng đó được Người thể hiện trong “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” vào năm 1919. Sau đó, trong Việt Nam yêu cầu cả tư tưởng về Hiến pháp và pháp quyền đã được diễn đạt rất rõ: “Bây xin Hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”¹¹.

Tư tưởng pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được hình thành và đi vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam với ba yếu tố trụ cột: 1) chủ quyền của nhân dân, 2) Hiến pháp và 3) quyền tự do, dân chủ của con người, của công dân. Trong đó, Người coi Hiến pháp là tiền đề và điều kiện, dân chủ dựa trên Hiến pháp là bản chất và quyền con người, quyền công dân là mục tiêu và xung lực của sự nghiệp xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa và phát triển đất nước.

Quản lý nhà nước, quản lý xã hội dựa trên pháp luật và thực hiện pháp luật công bằng với nền hành chính và tư pháp liêm chính, đạo đức, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa và vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm lợi ích của Nhân dân và phản ánh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Các lý tưởng và giá trị công bằng, dân chủ, tự do chân chính luôn là những yếu tố hạt nhân trong tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, về thi hành và áp dụng pháp luật, nhất là trong hoạt động tư pháp. Người quan niệm: “Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề làm người ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ, bị áp bức”¹². Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị dân chủ, công bằng, nhân đạo được thể hiện thông qua phương châm hành động của Nhà nước và của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên. Bác nhắc nhở: “Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán”¹³.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật các yếu tố pháp luật, kỷ luật, kỷ cương luôn đi liền với yêu cầu về đạo đức, trước hết là đạo đức tận tụy phục vụ Nhân dân. “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹⁴. Người luôn đề cao hành động thực tiễn, nói đi đôi với làm, ý thức noi gương của cán bộ, đảng viên, coi thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra tính đúng đắn và hiệu quả của các chính sách và pháp luật.

Khẳng định vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Từ năm 1927, trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ vai trò, sứ mệnh to lớn và có tính quyết định của một chính đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin với đường lối chính trị đúng đắn, với tư tưởng tiên tiến và với tổ chức chặt chẽ. Người nhấn mạnh, mục đích hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam là lãnh đạo Nhân dân giành lấy chính quyền, mang lại độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân, trung thành và phụng sự lợi ích của Nhân dân, của dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”¹⁵; “trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”¹⁶, “Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”¹⁷.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về Nhà nước và pháp luật nói riêng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), Đảng ta đã đúc kết bài học kinh nghiệm lớn trong toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta là “lấy dân làm gốc” và đề ra phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”¹⁸, bắt đầu nêu ra vấn đề thực hiện cải cách lớn về bộ máy nhà nước, quan tâm, coi trọng và nhấn mạnh đến nhiệm vụ công tác vận động quần chúng, phát huy sức mạnh quyền làm chủ của Nhân dân trong đời sống xã hội.

Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, khẳng định toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân, gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994) đã chính thức đưa vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vào Văn kiện của Đảng, khẳng định nhiệm vụ chiến lược: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”¹⁹.

Đặc biệt, trong Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã làm sâu sắc hơn quan điểm và nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa với việc xác định nhà nước pháp quyền là một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa và là một trong tám phương hướng cơ bản của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; khẳng định quan điểm kiên trì xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền.

Đến Hiến pháp năm 2013, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng được thể chế hoá rõ ràng và đầy đủ tại Điều 2: “1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”.

Đại hội XIII của Đảng (tháng 1/2021) đề ra những định hướng, quan điểm, giải pháp đột phá cho tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Đồng thời, Đảng ta nêu rõ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ, gắn với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế văn hóa, xã hội; xác định 13 định hướng phát

triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có định hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đại hội đề ra nhiệm vụ “Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp”. Việc đề ra nhiệm vụ này khẳng định quan điểm kiên trì xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, có lộ trình, bước đi phù hợp và vững chắc.

Như vậy, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một bước đột phá trong tư duy về xây dựng Nhà nước trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là cơ sở chính trị cho việc tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và thúc đẩy việc đổi mới một cách căn bản, có hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”²⁰. Do vậy, trong thực hiện cần tiếp tục quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Trước hết, nắm vững mục tiêu là tôn trọng, bảo vệ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tất cả vì độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Lựa chọn ra và thực thi những cơ chế, hình thức dân chủ hữu hiệu để Nhân dân quyết định những công việc trọng đại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn đã chỉ rõ, chừng nào và khi nào Nhà nước chưa tạo đủ điều kiện để Nhân dân thực hiện phát huy quyền làm chủ của mình ở cơ sở, hoặc để xảy ra dân chủ cực đoan, dân chủ quá trớn, gây trở ngại cho hoạt động điều hành và quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở, thì chừng đó quyền lực Nhà nước ở địa phương bị suy giảm, cản trở việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là khi các thế lực thù địch đang lợi dụng chiêu bài “dân chủ” và “nhân quyền” cũng như các thủ đoạn khác để vu cáo, xuyên tạc chế độ dân chủ, chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, phải nâng cao dân trí, động viên, giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân sử dụng quyền làm chủ, quyền lực của mình tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ hai, xây dựng nhà nước luôn đi đôi khắc phục được những căn bệnh cố hữu của các nhà nước kiểu cũ. Tuyệt đối không mơ hồ trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với các giá trị văn hóa dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết chống luận điệu xuyên tạc, mị dân, núp dưới chiêu bài “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” tư sản để xuyên tạc những giá trị dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã xây dựng, vun đắp trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả phải kết hợp chặt chẽ giữa “đức trị” và “pháp trị”, kết hợp giữa “xây” và “chống”, không được coi nhẹ mặt nào. Xây là ra sức giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho Nhân dân, trước hết là cán bộ, công chức, đảng viên, những người có chức, có quyền, đi đôi với việc chống chủ nghĩa cá nhân, dùng pháp luật nghiêm trị những kẻ vi phạm pháp luật và thoái hóa đạo đức, làm hại dân, hại nước. Cán bộ các cấp trong bộ máy công quyền nhà nước từ Trung ương đến cơ sở phải thực sự gần dân, biết lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, làm việc gì cũng phải bàn bạc kỹ và học hỏi kinh nghiệm của Nhân dân, thực sự yêu dân, kính dân, tin cậy và trọng dân.

Thứ tư, luôn đề phòng và chủ động khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước, kiên quyết chống ba thứ giặc nội xâm là tham ô, lãng phí, quan liêu. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước phụ thuộc vào tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật và sự trong sạch, gương mẫu về đạo đức của những người cầm quyền. Vì vậy, phải luôn nêu cao cảnh giác với những biểu hiện tha hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ, công chức, giữ cho Nhà nước luôn trong sạch, vững mạnh.

Thứ năm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan quyền lực của Nhà nước về phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách, năng lực lãnh đạo, quản lý để họ thực sự là “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, toàn tâm, toàn ý phục vụ lợi ích của nhân dân. Trong đó cần “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước...; có cơ chế lựa chọn, đào tạo thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung”²¹. Cùng với đó là không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, giáo dục đạo đức cách mạng, phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức nhà nước có đủ tri thức về chính trị học, xã hội học, về hệ thống chính trị, pháp luật, quản lý hành chính nhà nước, về tổ chức lao động khoa học và tâm lý quản lý.

Thứ sáu, tăng cường vai trò lãnh đạo và đổi mới phương thức cầm quyền, lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới. Bởi thực tiễn đã chỉ rõ: sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là nhân tố quyết định để bảo đảm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, bảo đảm cho hệ thống chính trị có đủ khả năng đưa đất nước ta từng bước vượt qua nguy cơ, thách thức, vững vàng đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ bảy, trong điều kiện hội nhập quốc tế, các cấp, các ngành, các tổ chức chính quyền, đoàn thể và toàn dân cần phải quan tâm, coi việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trở thành nhu cầu tự thân, việc làm thường

xuyên hằng ngày, coi đây là yêu cầu và giải pháp thiết thực làm cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân ngày càng mạnh mẽ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân vẫn mãi có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn sâu sắc. Ngày nay, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập, Đảng ta tiếp tục kế thừa tư tưởng của Người để xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do nhân dân và vì Nhân dân là điều vô cùng cần thiết và đúng đắn.

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng và giáo dục cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức là “cái gốc”, là “nền tảng” của người cách mạng. Người cho rằng cũng như “sông có nguồn thì mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Đạo đức cách mạng không phải tự nhiên mà có, mà là kết quả của một quá trình giáo dục, rèn luyện bền bỉ mà nên, như “Ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Đạo đức nội hàm sức mạnh to lớn, người có đạo đức cách mạng mới “gánh được nặng” và “đi được xa”.

Đạo đức mà Hồ Chí Minh đòi hỏi ở người cán bộ, đảng viên chính là những biểu hiện hài hoà của những tiêu chí đạo đức trong các mối quan hệ của họ với Đảng, Nhà nước, giai cấp, nhân dân và dân tộc; Đó là những phẩm chất: Trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người; cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; là tinh thần Quốc tế trong sáng, thủy chung... Những phẩm chất ấy được Người đặc biệt quan tâm trong điều kiện Đảng cộng sản trở thành Đảng cầm quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên là những “công bộc” của nhân dân.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng có tinh thần to lớn; là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của mỗi cán bộ, đảng viên làm tăng sức mạnh của đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng có nghĩa đặt ra một yêu cầu, đã là cán bộ, đảng viên thì trước hết phải trở thành một công dân mẫu mực, làm nòng cốt cho giữ gìn phẩm chất, đạo đức và kỷ cương xã hội. Sự mực thước, nêu gương của người cán bộ, đảng viên trước nhân dân là vô cùng cần thiết, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến, quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức và phẩm chất của người cách mạng.

Thấm nhuần tư tưởng đạo đức của Người và nhận thức giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên; Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị các khoá đã ra nhiều Nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng; đặc biệt là Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã ra Chỉ thị số 06-CT/TW quyết định tổ chức cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Đây là cuộc vận động lớn của Đảng ta, mang tính toàn dân, toàn diện, có chiến lược lâu

dài và có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc trong bối cảnh hiện nay; Việc học tập và làm theo lời dạy của Bác là một tài sản vô cùng quý báu của Đảng ta, của dân tộc ta, của mỗi người cán bộ, đảng viên và từng thành viên trong xã hội, đó cũng chính là mục tiêu vươn tới của xã hội chúng ta hôm nay và những thế hệ mai sau; là niềm tự hào vô cùng to lớn của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh có ý nghĩa cấp bách cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo đất nước trong thời kỳ hội nhập trong tình hình hiện nay, đây là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu có tính quyết định toàn bộ sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi cuộc vận động này, góp phần cùng cả hệ thống chính trị làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn về tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại, là tài sản vô giá và tấm gương sáng ngời để tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức của mỗi người, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội ... trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Muốn thực hiện thắng lợi cuộc vận động này, trên cơ sở thống nhất và sự đồng thuận của xã hội, việc thực hiện cuộc vận động phải thực sự trở thành tính tự giác, là yêu cầu cần thiết của mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và mỗi người dân dù ở bất cứ nhiệm vụ công tác nào của bản thân. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự mình tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất, đạo đức theo tư tưởng của Người; Phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tích cực trong lao động, học tập, công tác với một tinh thần và trách nhiệm cao, lương tâm nghề nghiệp trong sáng; có lối sống trong sáng, giản dị và lành mạnh, không xa hoa, lãng phí. Triệt tiêu chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa cá nhân để từ đó làm cho nội bộ Đảng và tổ chức cơ sở Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, xuyên suốt trong nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải là người tiên phong gương mẫu đi đầu trong mọi lĩnh vực công tác, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Thực hiện tốt lời dạy của Bác, mỗi con người của chúng ta phải cần cố gắng, nỗ lực hết mình để chăm lo hạnh phúc của nhân dân, ra sức phấn đấu học tập, rèn luyện noi gương theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để thực sự là những người cán bộ, đảng viên chân chính hết lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, như di chúc của Bác Hồ kính yêu đã dạy.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Tư tưởng HCM về Đại Đoàn Kết

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là hệ thống những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp tập hợp quần chúng nhân dân, tổ chức lực lượng cách mạng nhằm phát huy cao nhất sức mạnh to lớn của toàn dân tộc. Trong lịch sử tư tưởng của Việt Nam, đã có nhiều người nhắc đến đoàn kết dân tộc nhưng đến Hồ Chí Minh, đoàn kết trở thành đại đoàn kết toàn dân.

Đoàn kết có thể hiểu là sự tập hợp, kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung nào đó. Còn đại đoàn kết là đoàn kết rộng rãi, tức muốn nhấn mạnh tới thành phần, quy mô, lực lượng của khối đoàn kết. Đại đoàn kết có thể nhân lên sức mạnh to lớn của cả một dân tộc như Hồ Chí Minh khẳng định: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác"⁽¹⁾.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể nhận thấy cụm từ "đoàn kết" được Người nhắc tới hơn hai nghìn lần và cụm từ "đại đoàn kết" được nhắc tới hơn tám mươi lần. Điều đó nói lên sự quan tâm của Người đối với vấn đề đoàn kết, đại đoàn kết ở mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh lịch sử.

Đoàn kết là một truyền thống quý báu của nhân dân tộc Việt Nam.

Khái quát quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Do đó, Người luôn kêu gọi mọi người, nhất là cán bộ phải luôn trân trọng truyền thống ấy và giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc như giữ gìn "con người trong mắt mình". Người nói: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình"⁽²⁾.

Đại đoàn kết là tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc, trong đó liên minh giữa nông dân, công nhân và trí thức là nòng cốt.

Với tư tưởng "lấy dân làm gốc", Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của nhân dân và sức mạnh đoàn kết của nhân dân: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"⁽³⁾. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân có một nội hàm rất rộng, để chỉ tất cả mọi con dân của nước Việt Nam nói chung. Do đó, đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các chính đảng, đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây làm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, quay về với chính nghĩa của dân tộc. Đoàn kết trong tư tưởng của Người là đoàn kết rộng rãi, mở rộng và tranh thủ tất cả những lực lượng và bộ phận có thể tranh thủ sức mạnh của họ: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ. Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"⁽⁴⁾.

Theo Hồ Chí Minh, cốt lõi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân dân lao động mà trước hết là nông dân, công nhân. Người khẳng định: "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác"⁽⁵⁾. Trong các tầng lớp nhân dân lao động khác mà Hồ Chí Minh nhắc đến, Người chú trọng đến đội ngũ trí thức vì đó là những người có thể giúp cho nước nhà phát triển và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Người viết: "Trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối"⁽⁶⁾. Như vậy, khác với các nhà cách mạng tiền bối khi chỉ nhìn ra vai trò của giai cấp nông dân hoặc tầng lớp sĩ phu trí thức, Hồ Chí Minh đã thấy được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân lao động và chỉ ra sự cần thiết phải đoàn kết, tập hợp họ thành một khối thống nhất, cùng với các giai cấp, tầng lớp khác để tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là tư tưởng tiến bộ của Hồ Chí Minh, trên cơ sở kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của Người về việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

Đại đoàn kết là một chiến lược quan trọng của cách mạng, là nhân tố quyết định mọi thành công

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không phải là ý muốn chủ quan, cảm tính mà là một chiến lược quan trọng của cách mạng nhằm tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc để giành lấy thành công. Người từng khẳng định: "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị"⁽⁷⁾. Điều này có nghĩa là đoàn kết là một chiến lược lâu dài của cách mạng, không phải là một thủ đoạn được áp dụng trong một tình huống nào đó. Do đó, đại đoàn kết dân tộc vừa là mục đích, vừa là nhiệm vụ hàng đầu mà sự nghiệp cách mạng cần hướng tới.

Trong quá trình khảo nghiệm thực tế, Người đã nhận ra rằng: "Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"⁽⁸⁾; "Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà"⁽⁹⁾. Trong nhiều bài nói và viết, Người luôn nhấn mạnh đến luận điểm: *Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là một lực lượng vô địch*. Từ đó, Người đi đến khẳng định một vấn đề có tính chất giống như một chân lý của thời đại: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công"⁽¹⁰⁾.

Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam là một nước nhỏ, còn nghèo, dân số ít lại thường xuyên phải đối mặt với nhiều kẻ thù xâm lược vốn có ưu thế về vật chất, phương tiện chiến tranh, Hồ Chí Minh luôn khẳng định chỉ có quy tụ được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc mới có thể tạo nên sức mạnh to lớn để đương đầu và chiến thắng kẻ thù. Người đã từng khẳng định bằng một niềm tự hào về sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam: "Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, chỉ có một ý chí: Quyết không chịu mất nước, chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng vững chắc

xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đùng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại"⁽¹¹⁾.

Phương thức để thực hiện đại đoàn kết dân tộc là thống nhất những điểm tương đồng, khắc chế những điểm khác biệt.

Không chỉ khẳng định vai trò của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phương thức để thực hiện sự đoàn kết rộng rãi đến các tầng lớp, giai cấp nhân dân. Người cho rằng, mỗi giai cấp, tầng lớp đều có đặc điểm riêng về lối sống, trình độ, nhận thức: "Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu"⁽¹²⁾. Sự khác biệt đó đôi khi tạo nên những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích giữa họ. Tuy nhiên, để quy tụ họ thành một khối đại đoàn kết, cần phải tìm kiếm, trân trọng và phát huy những điểm tương đồng, thống nhất để khắc chế, giải quyết các điểm khác biệt, mâu thuẫn. Hồ Chí Minh đã nhận ra yếu tố tương đồng để quy tụ sức mạnh của cả dân tộc là sự phản ánh khát vọng cháy bỏng của mọi người Việt Nam yêu nước, đó là tinh thần: "Hy sinh tiền bạc, thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức; tóm lại, phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm "TỔ QUỐC TRÊN HẾT" ở mọi nơi và mọi lúc"⁽¹³⁾. Việc tìm ra sợi dây kết nối mọi tầng lớp, giai cấp của Việt Nam là tinh thần yêu nước đã giúp Hồ Chí Minh mau chóng tập hợp được sức mạnh của quần chúng, tạo thành một khối đại đoàn kết vững chắc. Đây là thành quả cách mạng to lớn mà không phải vị lãnh tụ nào cũng có được.

Điều đặc biệt là Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra tư tưởng đại đoàn kết mà còn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ở thời đại Hồ Chí Minh, các tầng lớp, giai cấp nhân dân ở mọi vùng miền của Tổ quốc, kể cả đồng bào sinh sống ở nước ngoài đã cùng chung tay đoàn kết, thống nhất, tạo thành sức mạnh to lớn để Việt Nam lần lượt chiến thắng được kẻ thù xâm lược, thực hiện được mục tiêu độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Đây cũng là điểm đặc sắc vừa làm nên giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành "kim chỉ nam" để dẫn dắt, lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

VẬN DỤNG TRONG CUỘC CHIẾN CHỐNG COVID-19

Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã từng bước vào nhiều cuộc chiến với quy mô, tính chất khác nhau. Từ cuối năm 2019, có một cuộc chiến không có tiếng súng nhưng lại rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến tính mạng của người dân trên phạm vi toàn cầu. Đó là cuộc chiến chống Covid-19.

Ngay từ khi xuất hiện ca bệnh đầu tiên (ngày 22/1/2020), Việt Nam đã xác định đây là một dịch bệnh nguy hiểm, có khả năng ảnh hưởng đến nhiều người, trên phạm vi rộng nên cần phải nêu cao tinh thần: Chống dịch như chống giặc. Sự chủ động đó đã giúp cho Việt Nam đã đưa ra nhiều giải pháp hữu ích. Một trong những giải pháp đã mang lại hiệu quả cao là huy động sự tham gia của đông đảo nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công tác phòng, chống Covid-19.

Chủ trương của Đảng, Chính phủ huy động sức mạnh toàn dân tộc tham gia phòng, chống dịch.

Khi ca bệnh đầu tiên xuất hiện không lâu, ngày 29/1/2020, Ban Bí thư đã ban hành công văn số 79-CV/TW gửi các tỉnh, thành phố, các cơ quan Trung ương yêu cầu phải coi

phòng, chống dịch là nhiệm vụ "trọng tâm, cấp bách". Từ đó, kêu gọi toàn thể nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động để tham gia chống dịch với quyết tâm cao, nỗ lực lớn.

Ngày 30/3/2020, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng ra lời kêu gọi toàn thể dân tộc Việt Nam ta hãy cùng chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức để chiến thắng đại dịch Covid-19. Lời kêu gọi nêu rõ: "Với tinh thần coi sức khỏe và tính mạng của con người là trên hết, tôi kêu gọi toàn thể đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài hãy đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận phòng, chống dịch bệnh". Lời kêu gọi giống như một lời hiệu triệu khơi dậy tinh thần đoàn kết của cả dân tộc trong công tác phòng, chống dịch.

Đề cùng Đảng, Nhà nước tập trung phòng, chống dịch và có thêm nguồn lực để tăng cường các biện pháp phòng, chữa bệnh, bảo đảm an sinh xã hội, ngày 17/3/2020 Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Lời kêu gọi "Toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19". Mục đích của Lời kêu gọi là phát huy tinh thần đoàn kết, đồng sức đồng lòng của toàn thể nhân dân Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch.

Tỏa sáng truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, kế thừa truyền thống đại đoàn kết của dân tộc và hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ, nhân dân Việt Nam lại cùng chung tay, đồng lòng chống dịch. Tất cả tỉnh, thành phố, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đều nhiệt tình, tích cực tham gia phòng, chống dịch.

Đi đầu là lực lượng cán bộ, nhân viên ngành Y tế. Họ đã không kể ngày đêm tham gia xét nghiệm, sàng lọc, cứu chữa bệnh nhân bị mắc Covid-19. Mặc dù cũng có không ít nhân viên y tế bị nhiễm bệnh nhưng với tinh thần "tất cả vì cộng đồng", các y, bác sĩ trên tuyến đầu chống dịch đã nêu cao tinh thần đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, vất vả trong các khu điều trị cách ly để hàng ngày, hàng giờ cứu chữa người bệnh. Đặc biệt, có nhiều sinh viên ngành y mặc dù chưa tốt nghiệp nhưng đã tình nguyện tham gia chống dịch tại địa phương cũng như xung phong đến những vùng dịch lớn để tăng cường cho các y, bác sĩ.

Lực lượng cán bộ các cấp, các ngành tại địa phương đã đồng sức, đồng lòng ngày đêm ra quét, khoanh vùng dập dịch tại các khu dân cư. Ở khắp cả nước, đã có nhiều Tổ Covid cộng đồng với sự tham gia của nhiều cán bộ cơ sở như công an, dân phòng, mặt trận, phụ nữ, thanh niên... Nhiều doanh trại quân đội được trưng dụng làm cơ sở cách ly cho nhân dân. Nhiều cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng vào rừng nhường lại nơi ăn, chốn ở cho nhân dân có điều kiện tốt để cách ly. Trong các doanh trại cách ly của quân đội, người cán bộ, chiến sĩ vừa là người hướng dẫn nhân dân thực hiện đúng quy định của Nhà nước về cách ly tập trung song họ cũng giống như những người thân trong gia đình, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người cách ly mỗi khi họ cần. Có thể nói, chưa bao giờ các doanh trại quân đội lại được sưởi ấm tình quân dân đến thế!

Với tinh thần "chống dịch như chống giặc", cả hệ thống chính trị của Việt Nam đã cùng vào cuộc để chung tay bảo vệ sức khỏe và tính mạng của nhân dân. Hưởng ứng Lời kêu

gọi của Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân cả nước không chỉ đóng góp công sức mà còn tích cực đóng góp tiền bạc, vật chất cho công tác phòng, chống dịch. Ở nhiều nơi trên khắp đất nước đã hình thành các ATM đặc biệt như ATM gạo, ATM mì, ATM khẩu trang và nhiều cửa hàng 0 đồng. Nhiều người dân, trong đó có cả những ca sĩ, người mẫu vốn chỉ quen ánh đèn sân khấu nhưng cũng đã chung tay phát đồ ăn, nhu yếu phẩm miễn phí cho nhân dân vùng dịch. Đã có nhiều bếp ăn từ thiện được mọc lên khắp nơi để lan tỏa tinh thần yêu thương, sẻ chia, tình đoàn kết của nhân dân Việt Nam. Hiếm có một đất nước nào mà có sự tham gia đông đảo, đầy trách nhiệm của Đảng, Chính phủ và các tầng lớp nhân dân trong cuộc chiến chống covid-19 như Việt Nam.

Biểu tượng cao đẹp nhất cho tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến chống đại dịch là Quỹ Vaccine. Quỹ được thành lập ngày 26/5/2021 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, vaccine của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động mua, nhập khẩu vaccine, nghiên cứu, sản xuất vaccine trong nước và sử dụng vaccine phòng, chống Covi-19 cho nhân dân.

Ngay khi vừa thành lập, Quỹ Vaccine đã nhanh chóng nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo nhân dân trong cả nước và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ trong một thời gian ngắn, Quỹ đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình, to lớn không chỉ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tập đoàn... mà còn của các tầng lớp nhân dân, trong đó có nhiều em nhỏ, nhiều cụ già, cán bộ hưu trí và đông đảo kiều bào ở nước ngoài. Cho đến nay, Quỹ Vaccine đã tiếp nhận được 8.000 tỉ đồng số tiền đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Số tiền mà các tổ chức, cá nhân đóng góp không chỉ có giá trị vật chất mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết, sẻ chia, cộng đồng trách nhiệm của nhân dân với Đảng và Chính phủ. Điều đó giúp cho Việt Nam tiếp tục được thế giới đánh giá cao trong việc phát huy được sức mạnh của cả dân tộc trong cuộc chiến chống đại dịch.

Cuộc chiến chống Covid-19 phía trước còn rất nhiều cam go với sự xuất hiện của nhiều ổ dịch mới, với những biến thể có tốc độ lây lan mạnh. Điều đó tiếp tục gây nên những khó khăn rất lớn cho Việt Nam và nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, với tinh thần đại đoàn kết, sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam sẽ tiếp tục được nhân lên và trở thành động lực to lớn để nhân dân ta vượt qua những khó khăn, thử thách. Hơn bao giờ hết, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã được Đảng, Chính phủ kế thừa và phát huy có hiệu quả trong cuộc chiến chống đại dịch.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết là chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay.

1. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành di sản vô giá, truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Tiếp tục phát huy truyền thống quý báu đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”^[1]. Vì thế, 8 chữ “*Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*”^[2] là mục đích của Đảng và Đảng thực hiện “đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc” và “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục

vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”[3].

Khát vọng dân tộc được độc lập, tự do và thống nhất, nhân dân được sống ấm no, hạnh phúc là mẫu số chung, là điểm gốc để quy tụ tất cả mọi người dân Việt Nam vào khối đại đoàn kết dân tộc. Vì thế, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong một mặt trận thống nhất chính là để tập hợp và lãnh đạo quần chúng nhân dân thành một khối thống nhất về ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong khối đại đoàn kết đó, Đảng là một thành viên của Mặt trận, đồng thời là lực lượng lãnh đạo, cho nên *“Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”*[4]. Theo Hồ Chí Minh, “trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác”[5].

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng việc giác ngộ, tập hợp trí thức Việt Nam vào hàng ngũ cách mạng, bổ sung và phát huy vai trò của họ, làm cho họ trở thành một động lực cách mạng quan trọng; đồng thời khẳng định liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân. Thực tế cho thấy, liên minh công - nông - trí (trí thức) không những là yêu cầu khách quan về chính trị, làm nền tảng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước mà còn là yêu cầu khách quan để phát triển bền vững kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước. Tuỳ theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Mặt trận có cương lĩnh, điều lệ phù hợp, được tổ chức chặt chẽ, xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí đã luôn lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó chính đoàn kết thực sự, lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau, “là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ”[6].

Khối đại đoàn kết dân tộc chỉ thực sự phát huy được sức mạnh nội sinh khi gắn liền với đoàn kết quốc tế, nghĩa là chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, sức mạnh dân tộc phải gắn với sức mạnh thời đại. Thực tiễn cách mạng cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, khối liên minh đoàn kết 3 nước Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia), của các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào nhân dân thế giới ủng hộ, đoàn kết với nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập, tự do, dân chủ

và tiến bộ xã hội hơn 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng là những minh chứng sống động cho việc xây dựng và thực hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Hơn 90 năm thực hiện xuyên suốt và nhất quán chiến lược đại đoàn kết dân tộc, nhất là trong hơn 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong tiến trình ấy, trên tinh thần “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, nguyên tắc hiệp thương dân chủ được coi là “chìa khóa vạn năng” để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh toàn dân tộc làm nên những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng “đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thực tế, các cuộc vận động xã hội, các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động và triển khai thực hiện ngày càng đi vào cuộc sống, được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Trong đó, đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, lá lành đùm lá rách, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ chăm sóc sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác cùng với cuộc vận động xã hội, các phong trào “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Ngày vì người nghèo*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”... không chỉ có tác dụng thiết thực, tạo nên sự gắn kết cộng đồng mà còn góp phần làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước nhanh và bền vững, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, gồm Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trong đó, động lực chủ yếu để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Vì thế, để “phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan

hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”[7], cần tập trung thực hiện một số giải pháp căn cốt sau:

Một là, các cấp ủy cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và chuyên đề năm 2020 về “*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức; trong đó, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đó là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân gắn với thực hiện tốt trách nhiệm của công dân, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham ô, tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2-2-2018 của Ban Bí thư về “*Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”, góp phần xây dựng Đảng và chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

Ba là, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong tham gia xây dựng và hoàn thiện một số chính sách để củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, tổ chức động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hoá - xã hội; trong đó, mỗi người, mỗi gia đình cố gắng phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng. Bên cạnh đó, tăng cường công tác đối ngoại nhân dân, tích cực vận động, thu hút kiều bào hướng về Tổ quốc, góp sức xây dựng quê hương, đất nước; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng nước sở tại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của kiều bào, đồng thời, khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân có thành tích tiêu biểu.

Năm là, nắm bắt kịp thời để phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân và nỗ lực chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, tôn giáo; bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích của tập thể và toàn xã hội. Cùng với việc giải quyết đúng đắn và hợp lý các quan hệ lợi ích, cần đẩy mạnh và không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tình

thần tự lực tự cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc, coi đó là những yếu tố quan trọng để không chỉ phòng và chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch mà còn góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Một là, Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về đại đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là một bộ phận quan trọng hợp thành trong hệ thống tư tưởng của Người về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu toàn bộ di sản của Người có thể nhận thấy cụm từ “đoàn kết” được Người nhắc tới hơn hai ngàn lần và cụm từ “đại đoàn kết” được Người nhắc tới hơn tám mươi lần, điều đó nói lên sự quan tâm đối với vấn đề đoàn kết ở mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh của lịch sử, đồng thời tỏ rõ tầm chiến lược tư tưởng đoàn kết của Người. Đoàn kết có thể hiểu một cách đơn giản là sự tập hợp, kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung nào đó. Còn đại đoàn kết là đoàn kết rộng rãi tức muốn nhấn mạnh tới thành phần, quy mô, lực lượng của khối đoàn kết.

Hồ Chí Minh nói nhiều tới đoàn kết, đại đoàn kết, tuy nhiên chỉ một lần duy nhất Người định nghĩa về khái niệm đại đoàn kết: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác” [1]. Tư tưởng về đại đoàn kết tiếp tục được Hồ Chí Minh cụ thể hóa hơn trong các cụm từ như: “đại đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết dân tộc”, “toàn dân tộc ta đoàn kết”. Tuy cách diễn đạt có thể khác nhau, nhưng nội hàm của các khái niệm trên đều thống nhất khi khẳng định lực lượng của khối đại đoàn kết là của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Như vậy, đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, đoàn kết mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay định cư ở nước ngoài thành một khối vững chắc trên cơ sở thống nhất về mục tiêu chung và những lợi ích căn bản.

Hai là, Hồ Chí Minh chỉ ra vai trò của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam

Khi đề cập đến vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài, là vấn đề sống còn, quyết định thành công của cách mạng. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành và phát triển sức mạnh to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Theo Người, đoàn kết làm nên sức mạnh và là cội nguồn của mọi thành công: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” [2].

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh không chỉ đơn giản là phương pháp tổ chức, tập hợp lực lượng, mà cao hơn là một bộ phận hữu cơ, một tư tưởng xuyên suốt trong đường lối chiến lược cách mạng, Người khẳng định: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị” [3]. Có thể nói đoàn kết dân tộc vừa là điều kiện tiên quyết, sống còn đối với sự nghiệp cách mạng, đồng thời là tôn chỉ, mục đích, là nhiệm vụ hàng đầu mà sự nghiệp cách mạng cần hướng và đạt tới.

Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không phải là một chủ trương, một chiến lược xuất phát từ nguyện vọng, từ ý muốn chủ quan của lực lượng lãnh đạo mà là sự đúc kết những đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành. Nếu như xuất phát từ nhu cầu của lực lượng lãnh đạo cách mạng, đại đoàn kết dân tộc sẽ chỉ dừng lại là một thủ đoạn chính trị nhằm đạt được mục đích, một ý đồ nhất định. Ngược lại, nhìn nhận đoàn kết dân tộc như một đòi hỏi tự thân, khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng thì đại đoàn kết là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Do đó, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Người yêu cầu không được có bất cứ lúc nào lơ là nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại trong nhận thức mà được cụ thể hóa trong mọi bước đi, giai đoạn phát triển của cách mạng, Người nói: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” [4].

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước là một công việc hết sức hệ trọng, to lớn và vô cùng khó khăn. Nhiệm vụ đó chỉ có thể thành công khi quy tụ được sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc vì đoàn kết mới tạo nên sức mạnh, tạo nên lực lượng hùng hậu có thể đương đầu và chiến thắng kẻ thù. Thực tiễn cách mạng đã trả lời giữa đoàn kết và thành công có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi phạm vi, mức độ, quy mô của thành công trước hết phụ thuộc vào chính quy mô và mức độ của khối đại đoàn kết. Là người lãnh đạo tối cao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc sống còn, thành bại, được mất trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù. Để lý giải một nước Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu lại có thể đương đầu và đánh bại một tên thực dân đầu sỏ có ưu thế tuyệt đối về vật chất, phương tiện chiến tranh, Người nói: “Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, Chỉ có một ý chí: Quyết không chịu mất nước, Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng vững chắc xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại” [5]. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã trả lời, có đoàn kết mới có thắng lợi, càng gặp kẻ thù lớn, càng khó khăn gian khổ bao nhiêu lại càng phải đoàn kết chặt chẽ, rộng rãi và vững chắc bấy nhiêu. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đặc biệt quan tâm tới vấn đề đoàn kết vì đoàn kết là mấu chốt của thắng lợi và rút ra một bài học lớn đồng thời là quy luật mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [6].

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ ra lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc là toàn dân trong đó lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng.

Kế thừa và nâng tầm tư duy chính trị truyền thống của cha ông: “Nước lấy dân làm gốc”; đồng thời thấm nhuần nguyên lý mác xít “Cách mạng là ngày hội của quần chúng”, Hồ Chí Minh đã tìm sức mạnh và cái cảm nung thần kì của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ở lực lượng vô địch của nhân dân: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [7]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân, nhân dân có một nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ tất cả mọi công dân của nước Việt Nam, những người được gọi là “con Lạc cháu Hồng”. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các chính đảng, đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, quay về với chính nghĩa của dân tộc. Đoàn kết trong tư tưởng của Người là đoàn kết rộng rãi, mở rộng và tranh thủ tất cả những lực lượng và bộ phận có thể tranh thủ. Nguyên tắc đoàn kết rộng rãi được dựa trên điểm tương đồng là: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”. “Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ” [8]...

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế. Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được khẳng định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”, và sau này Người bổ sung thêm nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh giữa công nhân, nông dân với trí thức: “Trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối” [9].

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn có sự kết hợp hài hòa, quện chặt và nhất quán giữa yếu tố dân tộc và yếu tố giai cấp. Đoàn kết dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công nông làm gốc, không một lúc nào quên đi lợi ích giai cấp song Người cũng có một tư duy vượt trước khi khẳng định chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của cách mạng Việt Nam.

Theo Người, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc chỉ được phát huy khi tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cả dân tộc hay toàn dân chỉ có thể tạo nên một sức mạnh to lớn, trở thành lực lượng vô địch khi được tổ chức thành một khối chặt chẽ, được giác ngộ sâu sắc về mục tiêu lý tưởng, được định hướng bởi một đường lối chính trị đúng đắn, nếu không thì dù quần chúng nhân dân có số đông tới hàng triệu người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh, rời rạc.

Ngay từ khi tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã rất lưu ý tới công tác tập hợp quần chúng, đưa họ vào những tổ chức yêu nước phù hợp với đặc điểm của từng giới, lứa tuổi, giai cấp, tôn giáo... Bao trùm tất cả là tư tưởng muốn thu nạp được đông đảo các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận cần thu nạp được đông đảo quần chúng nhân dân, những người ít nhiều có tinh thần yêu nước, Mặt trận cần là một tổ chức rộng rãi. Rộng rãi nhằm thực hiện đoàn kết được nhiều tổ chức, nhiều lực lượng không phân biệt giàu nghèo, đảng phái, xu hướng chính trị... Người nói: “Mặt trận bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt khuynh hướng chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, giai cấp xã hội, nam nữ và tuổi tác” [10]. Do đó Mặt trận không chỉ thu hút được mọi tầng lớp lao động nghèo khổ, bị áp bức, mà còn thu hút được cả tầng lớp trên không thuộc nhân dân lao động và một bộ phận phân hóa trong hàng ngũ của kẻ thù. Trong Mặt trận, xương sống và sức mạnh chủ yếu của khối đại đoàn kết là khối liên minh công nông làm nền tảng, Người nói: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất” [11].

Mối quan hệ giữa Mặt trận với liên minh công nông phản ánh về mặt tổ chức xã hội mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Trong đó, tách biệt hoặc nhấn mạnh một chiều vai trò của Mặt trận hoặc liên minh công nông đều không đúng với biện chứng của đời sống cách mạng, không đúng với nguyên tắc đoàn kết của Người. Tuyệt đối hóa vai trò, vị trí của liên minh công nông, hạ thấp vai trò của Mặt trận sẽ dẫn đến cực đoan, “tả khuynh” và bệnh cô lập, hẹp hòi. Ngược lại, nhấn mạnh, đề cao một chiều vai trò của Mặt trận, xem nhẹ liên minh công nông sẽ dẫn tới hữu khuynh, vô chính phủ. Người từng nói rằng: “Trong chính sách đoàn kết cần phải chống hai khuynh hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc” [12].

Trong lực lượng phong phú của Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định là một thành viên, bởi Đảng là bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, Đảng không phải là một thành viên bình thường, mà là người lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân. Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là tuyên truyền, giáo dục để quần chúng giác ngộ sự cần thiết phải đoàn kết lại; chọn lựa những hình thức, phương pháp tổ chức thích hợp để có thể thu hút rộng rãi các lực lượng yêu nước, tiến bộ trong dân chúng; hướng dẫn khối đại đoàn kết toàn dân đấu tranh, lao động sáng tạo theo những mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với lợi ích thiêng liêng của dân tộc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Người cũng nhấn mạnh quyền lãnh đạo Mặt trận không phải Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo” [13].

Tóm lại, lực lượng góp thành sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc là toàn dân, trong đó lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng được tập hợp trong một Mặt trận thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực tiễn đã trả lời chỉ trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc này, đại đoàn kết dân tộc mới có sức sống bền vững và trường tồn.

Bốn là, Hồ Chí Minh chỉ ra phương thức thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Đại đoàn kết được xây dựng dựa trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và những lợi ích chính đáng của nhân dân lao động. Thực tiễn lịch sử đã xác nhận, suy đến cùng, mối quan hệ giữa các tầng lớp nhân dân trở nên bền chặt hay không do chính vấn đề lợi ích quy định. Ngược lại nếu không thỏa mãn những vấn đề tối thiểu về lợi ích thì mọi khẩu hiệu về đoàn kết chỉ là những khẩu hiệu trống rỗng. Tuy nhiên, mối quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp luôn là vấn đề hết sức phức tạp, chông chéo, luôn chứa đựng những yếu tố thống nhất, mâu thuẫn và không ngừng vận động biến đổi cùng với đời sống thực tiễn.

Là một đất nước có một cơ cấu xã hội - giai cấp phong phú mang nhiều nét đặc thù của một xã hội nửa thực dân phong kiến, Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc về nhận thức, thái độ của mỗi tầng lớp nhân dân là hết sức khác nhau, Người nhận định: “Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiền tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu” [14]. Do chính môi trường, hoàn cảnh sống khác nhau đó nên nhận thức và hành động không thể nhất quán, thậm chí có những xung đột về vấn đề lợi ích. Nhằm quy tụ sức mạnh của cả dân tộc hướng vào mục tiêu chung, tạo nên hợp lực trong công cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, Hồ Chí Minh đã tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để khắc chế, giải quyết các yếu tố khác biệt, mâu thuẫn. Yếu tố tương đồng để quy tụ sức mạnh của cả dân tộc phải phản ánh được khát vọng cháy bỏng của mọi người Việt Nam yêu nước, đó là tinh thần: “Hy sinh tiền bạc, thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức; tóm lại, phải vì tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm “TỔ QUỐC TRÊN HẾT” ở mọi nơi và mọi lúc”[15].

Mẫu số chung của khối đại đoàn kết dân tộc, theo Người là chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Độc lập, tự do là nội dung cơ bản về quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mỗi quốc gia dân tộc, của mỗi cá nhân, thành viên trong dân tộc đó. Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là thiêng liêng và bất khả xâm phạm của mỗi con người. Song, con người không bao giờ là một chủ thể tách biệt xã hội, con người luôn là con người xã hội và sống trong lòng mỗi quốc gia dân tộc cụ thể. Vì lẽ đó, quyền của con người luôn gắn liền với quyền của quốc gia, dân tộc. Con người chỉ có thể mưu cầu hạnh phúc cho chính mình, được sống và được tôn trọng phẩm giá khi quốc gia dân tộc độc lập, tự do. Như vậy, xác định mục tiêu phản ánh được lợi ích căn bản, cấp bách và nóng bỏng nhất của toàn thể dân tộc Việt Nam đang sống trong cảnh độc lập, tự do của Tổ quốc bị đe dọa là phương thức quan trọng để quy tụ sức mạnh toàn dân tộc của Người.

Không chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu chung, đối với Người, độc lập dân tộc chỉ có giá trị khi gắn liền với tự do, hạnh phúc, với cơm no áo ấm của người dân lao động, Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [16] và “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [17]. Vì vậy, ngay trong những ngày đấu tranh gian khổ của nhân dân ta, Hồ Chí Minh rất chăm lo tới đời sống cho nhân dân với phương châm vừa kháng chiến vừa kiến

quốc, từng bước nâng cao đời sống vật chất, quyền tự do dân chủ cho đông đảo nhân dân lao động. Người luôn phấn đấu làm cho dân thấy được giá trị và từng bước được hưởng quyền tự do dân chủ. Người đồng thời căn dặn, mọi đường lối chủ trương của chính quyền phải phản ánh được tâm tư nguyện vọng và lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân, chính quyền phải thật sự vì dân, phấn đấu cho quyền lợi của nhân dân: “Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh” [18]. Chỉ với thái độ như vậy mới thực sự lôi kéo, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, phát huy cao nhất sự chủ động sáng tạo của từng người, từng bộ phận, trên mọi lĩnh vực để đưa cách mạng tới thắng lợi.

Đại đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục đối với quần chúng nhân dân. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh rất chú trọng tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng. Công tác tuyên truyền theo Người là một khoa học, nghệ thuật cách mạng, do vậy các tổ chức và cán bộ cách mạng phải không ngừng tìm tòi lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp để chuyển tải đường lối của Đảng một cách sâu rộng tới nhân dân.

Muốn làm được điều đó, việc quan trọng hàng đầu đòi hỏi nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động phải phản ánh đúng những nguyện vọng sâu xa và những lợi ích cơ bản nhất của dân chúng. Ở đây có những quyền lợi, nguyện vọng chung có thể gắn kết mọi thành viên của dân tộc nhưng cũng có những nguyện vọng riêng phù hợp với một bộ phận dân chúng, giai cấp. Do đó, nội dung tuyên truyền, giáo dục cần phải đáp ứng được hai yêu cầu trên. Có được nội dung tuyên truyền, vận động đúng đắn là cần thiết, song hiệu quả tập hợp, đoàn kết lực lượng cách mạng còn phụ thuộc vào việc sử dụng các hình thức tuyên truyền, vận động sao cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể, và chính Người là một điển hình mẫu mực về việc sử dụng hiệu quả các hình thức tuyên truyền, vận động quần chúng.

Trong công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý giải quyết hai mối quan hệ có tính chất nền tảng, quyết định tới sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đó là quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và quan hệ giữa các tôn giáo. Do những điều kiện lịch sử để lại cùng với âm mưu chia rẽ trị của thực dân phong kiến, mối quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, mối quan hệ giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bào lương - giáo... có những rạn nứt, nghi hoặc. Người đã đấu tranh kiên trì, bền bỉ để xóa bỏ những hiểm khích, xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc, trên cơ sở lợi ích chung thống nhất của quốc gia; đoàn kết gắn liền với thực hiện quan hệ dân tộc bình đẳng, tôn trọng, thương yêu và giúp đỡ nhau; đoàn kết trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục, tập quán của nhau, kiên quyết chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi: “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [19]. Trong giải quyết mối quan hệ giữa các tôn giáo, Người luôn nhấn mạnh đến những nét tương đồng, những mẫu số chung của những giá trị chân, thiện, mỹ để hạn chế, khắc phục những khác biệt, quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân. Hồ Chí Minh luôn đề cao, trân trọng những khía cạnh nhân bản của đạo đức tôn giáo trong giáo lý nguyên sơ của các tôn giáo để kêu gọi mọi người dù theo những tín

ngưỡng tôn giáo khác nhau cùng đoàn kết hướng tới một mục tiêu chung: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái; Phật Thích ca dạy: Đạo đức là từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” [20].

Như vậy, trong tư tưởng của Người, để không ngừng củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc thì công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng. Điều cần lưu ý phải luôn có một nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, từng giai đoạn cách mạng cụ thể và đặc biệt coi trọng giáo dục tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, các tôn giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Xóa bỏ mặc cảm, định kiến và bệnh hẹp hòi trên tinh thần độ lượng, khoan dung là phương thức quan trọng để xây dựng đại đoàn kết dân tộc. Trải qua gần 100 năm thống trị của đế quốc nước ngoài, và xa hơn là hàng nghìn năm phong kiến với những âm mưu thủ đoạn “chia để trị” của thực dân và thậm chí do những sai lầm ấu trĩ của cán bộ cách mạng nên giữa một bộ phận các dân tộc, tôn giáo, giai cấp... còn có những khoảng cách, nghi hoặc, rạn nứt trong quan hệ. Bởi vậy, những tàn tích của những định kiến quá khứ do đế quốc, phong kiến để lại còn đè nặng lên tư tưởng và tình cảm của quần chúng nhân dân. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết, muốn tập hợp, động viên và phát huy sức mạnh của tất cả các lực lượng, theo Hồ Chí Minh tất yếu phải san bằng những hố sâu ngăn cách đó: “Cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân” [21].

Muốn xóa bỏ được những thành kiến, theo Người, phải có một lòng bao dung, biết nâng niu, trân trọng và khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong mỗi con người để khơi dậy phần tốt được nảy nở như hoa mùa xuân, và phần xấu bị héo mòn đi để họ trở về với cộng đồng dân tộc. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc, cũng cần giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho phần thiện trong họ nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời. Chính sách khoan hồng đại độ trong tư tưởng của Người là xóa bỏ những hận thù, định kiến và mặc cảm quá khứ trên cơ sở khai thác những yếu tố “tương đồng”, tôn trọng những yếu tố “đị biệt”; nhân lên mẫu số chung những yếu tố tâm lý, văn hóa, lợi ích dân tộc; khơi dậy trong tâm hồn mọi người tinh thần của những người mang dòng máu Lạc Hồng; trân trọng cái phần thiện, dù nhỏ nhất ở mỗi con người. Trong nhận thức của Người, có tấm lòng độ lượng sẽ có được sự cảm hóa sâu sắc: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng của nó hẹp nhỏ...” [22]. Như vậy, có thể khẳng định, mọi tư tưởng, mọi sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ lòng yêu thương, kính trọng và tin tưởng ở con người, tin tưởng ở nhân dân. Người từng nói rằng đã là người Việt Nam thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước. Với tấm lòng nhân ái bao la, lòng tin vô hạn đối với nhân dân, dân tộc, Người đã giành trọn tình yêu thương và sự tin tưởng vào khả năng tiến bộ của con người, biết khơi dậy trong họ những khả năng tiềm tàng, thức tỉnh và giáo dục họ đứng lên đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa của quốc gia dân tộc.

Trên thực tế, quan điểm khoan dung, độ lượng và niềm tin vào nhân tính con người đã giúp Hồ Chí Minh: “Đoàn kết tất cả những người thật sự yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, không phân biệt họ thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, tầng lớp nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào. Trên nền tảng vững mạnh là lực lượng vô địch của tối đại đa số nhân dân ta (tức là giai cấp công, nông), với một cương lĩnh rộng rãi và một chính sách đúng đắn, với sự đoàn kết nhất trí của tất cả những người xứng đáng là con Lạc cháu Hồng - Mặt trận nhất định sẽ thành công trong việc đánh tan âm mưu Mỹ và bè lũ tay sai của chúng và thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta” [23].

Quán triệt sâu sắc, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Đảng ta khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam là sự liên kết, gắn bó tất cả các thành viên các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác, người đã nghỉ hưu và mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài thành một khối vững chắc, ổn định, lâu dài nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong khối đại đoàn kết đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là lực lượng nòng cốt, đông đảo nhất, đồng thời là cơ sở vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua khối liên minh này, Đảng, Nhà nước có thể tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân lao động khác tham gia quản lý nhà nước, làm chủ xã hội, làm cho lợi ích giai cấp gắn chặt với lợi ích dân tộc, tạo đồng thuận cao trong xã hội. Vì vậy, Đảng ta chỉ rõ: “Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [24]. Hiện nay, trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã đúc kết một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam là: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta” [25].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hóa con người.

Hồ Chí Minh nêu văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra với phương thức sử dụng chúng, nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người.

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Khái niệm văn hóa có nội hàm phong phú và ngoại diên rất rộng, vì vậy có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm văn hóa được hiểu theo cả ba nghĩa *rộng, hẹp và rất hẹp*.

Theo nghĩa rộng, Hồ Chí Minh nêu văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra với phương thức sử dụng chúng, nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời đó cũng là mục đích của cuộc sống loài người.

Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

Định nghĩa về văn hóa của Hồ Chí Minh đã khắc phục được những quan niệm phiến diện về văn hóa trong lịch sử và hiện tại.

Theo nghĩa hẹp, Người viết: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng”.

Theo nghĩa rất hẹp, văn hóa đơn giản là trình độ học vấn của con người, thể hiện ở việc Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải đi học “văn hóa”, xóa mù chữ,...

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Theo Hồ Chí Minh, nền văn hóa dân tộc phải được xây dựng trên năm điểm lớn sau đây:

- 1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
- 2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
- 3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
- 4- Xây dựng chính trị: dân quyền.
- 5- Xây dựng kinh tế”.

Muốn xây dựng nền văn hóa dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì phải xây dựng trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người

3.1- Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Hồ Chí Minh khẳng định, con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Theo Người, “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ *nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả*”.

Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Con người là mục tiêu của cách mạng, nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người, có thể là lợi ích lâu dài, lợi ích trước mắt; lợi ích cả dân tộc và lợi ích của bộ phận, giai cấp, tầng lớp và cá nhân.

Không phải mọi con người đều trở thành động lực mà phải là những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền tảng truyền thống lịch sử và văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam... Chính trị, văn hóa, tinh thần là động lực cơ bản trong động lực con người. Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi họ hoạt động có tổ chức, có lãnh đạo. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

3.2- Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

Hồ Chí Minh khẳng định: “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng. Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, vừa nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược giáo dục - đào tạo theo nghĩa hẹp...

Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, “trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”. Điều này cần được hiểu là ngay từ đầu phải đặt ra nhiệm vụ xây dựng con người có những phẩm chất cơ bản, tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa, làm gương, lôi cuốn xã hội. Đây là một quá trình lâu dài, phải không ngừng hoàn thiện, nâng cao; là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình và của chính bản thân mỗi người.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người mới xã hội chủ nghĩa gồm hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. *Một là*, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống (Việt Nam và phương Đông). *Hai là*, hình thành những phẩm chất mới như: có tư tưởng xã hội chủ nghĩa; có đạo đức xã hội chủ nghĩa; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ (bản thân, gia đình, xã hội, thiên nhiên...); có tác phong xã hội chủ nghĩa; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng. Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Bởi vì, giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thanh niên. Ngược lại, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến thanh niên. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo

đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. “Trồng người” là công việc “trăm năm”, không thể nóng vội “một sớm một chiều”, “việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới, con người phát triển toàn diện

1.1 Về xây dựng con người mới

Con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh là con người xã hội chủ nghĩa, con người phát triển toàn diện để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng khái niệm con người mới xã hội chủ nghĩa là để phân biệt con người sống trong xã hội cũ, con người chưa được giác ngộ cách mạng, chưa được trang bị lý luận cách mạng đúng đắn theo lập trường của giai cấp công nhân. Con người mới xã hội chủ nghĩa không phải tự nhiên mà có, nó được gắn với sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, gắn với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem xét con người trong mối quan hệ với xã hội. Người đưa ra một định nghĩa về con người rất mộc mạc mà độc đáo: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là cả loài người”(1). Với nghĩa đó, khái niệm con người đã mang trong nó bản chất xã hội, phản ánh các quan hệ xã hội. Khi bàn về con người, trong tư tưởng của Người không có con người trừu tượng mà chỉ có con người cụ thể, đó là mỗi một con người đều có cuộc sống, mối quan hệ riêng của họ. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, khái niệm con người được nhắc tới như một mục tiêu thiêng liêng, cao cả của cách mạng. Tư tưởng về con người, giải phóng con người và con người phát triển toàn diện là nhân tố quyết định thành công của cách mạng được Người vận dụng và phát triển trong suốt cả cuộc đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Khi nói về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới việc chăm lo con người, sao cho người lao động có công ăn việc làm, sao cho ai cũng được ấm no hạnh phúc. Người nói: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một cuộc đời hạnh phúc”(2). Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn khẳng định: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”(3).

Sau khi đến được với chân lý cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình hạnh phúc”(4).

Cũng từ đó, Người đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đó là con đường cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn

với giải phóng xã hội, giải phóng con người để bảo đảm cho con người cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng xã hội.

Quan điểm về con người mới xã hội chủ nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người vận dụng quan điểm mác xít về con người để xây dựng con người mới, những con người mang thế giới quan và nhân sinh quan của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, con người thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Theo Người, để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa phải chú ý cả hai phương diện. Một mặt, là sự phấn đấu vươn lên không ngừng của mỗi người theo hướng tự giác đấu tranh với những mặt lạc hậu, mặt xấu vốn tồn tại như mặt bản năng tự nhiên của con người, đồng thời học tập, tu dưỡng đạo đức cách mạng được xem như tinh hoa văn hóa của nhân loại. Mặt khác, đó là sự tham gia tích cực của con người vào việc cải tạo xã hội theo hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội, đối với nước ta là thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, kết hợp với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là hai mặt luôn gắn kết với nhau và “muốn có chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định một điều kiện có tính quyết định đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta mà còn chỉ rõ vị trí, vai trò quan trọng của con người mới xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.2 Về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Bước vào thế kỉ mới, với những biến đổi lớn lao, đặt ra nhiều thách thức mà con người phải đối mặt như: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển; vấn đề môi trường; dân số; vấn đề dân chủ, nhân quyền, nhân sinh, an sinh xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, khủng bố và các tệ nạn xã hội mới phát sinh. Điều đó khiến con người đứng trước những mâu thuẫn to lớn và hết sức gay gắt, buộc con người phải tự hoàn thiện bản thân để theo kịp xu thế mới của thời đại. Để làm được như vậy con người phải phát triển một cách toàn diện.

Nói tới con người Việt Nam phát triển toàn diện là nhằm tới mục tiêu xây dựng xã hội mới, thực hiện công bằng xã hội, dân chủ trong quản lý đất nước, đó là bản chất của chế độ xã hội mới mà chúng ta đang hướng tới.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải thực hiện từng bước, từng nhiệm vụ cụ thể như sau:

Thứ nhất, chiến lược con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ chỗ ý thức được vị trí, vai trò quyết định của con người đến sự nghiệp cách mạng ở nước ta, Người đã có tư duy rất sớm về chiến lược con người. Tại lớp học chính trị của giáo viên cấp II, cấp III toàn miền Bắc năm 1958, Người nói: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Trồng người theo tư tưởng Hồ Chí Minh là bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm sâu sắc tới thế hệ cùng thời với mình, mà người còn quan tâm tới thế hệ tiếp sau. Người chú ý tới công tác thanh, thiếu niên và nhi đồng với một thái độ yêu thương, độ lượng, nghiêm túc và thận trọng. Người căn dặn phải uốn cây từ lúc cây non, đừng để tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm thấy những biểu hiện của chủ nghĩa

cá nhân phát sinh từ lớp người còn trẻ, đó là nguyên nhân xuất hiện những thanh, thiếu niên hư hỏng. Cho đến lúc sắp từ giã cõi đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không quên việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân (Người viết bài báo “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” đăng trên báo Nhân Dân ngày 03/02/1969, trước lúc Người qua đời vừa tròn bảy tháng). Điều đó cho thấy Người coi vấn đề đạo đức cách mạng và việc chống chủ nghĩa cá nhân có tầm rất quan trọng trong việc “trồng người”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nâng niu, trân trọng những tài năng, tạo điều kiện để phát triển, vì đây là những hạt giống đỏ của đất nước.

Thứ hai, vai trò của giáo dục, đào tạo trong việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức trong chiến lược con người thì công tác giáo dục, đào tạo con người mới là quan trọng hơn bao giờ hết. Ngay từ lúc mới từ nước ngoài trở về, Người đã nghĩ đến đào tạo người cách mạng bằng nhiều hình thức khác nhau như gửi đi đào tạo ở trường Phương Đông (Liên Xô), tổ chức huấn luyện trực tiếp, viết sách làm tài liệu cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Nhờ chăm lo tới việc giáo dục, bồi dưỡng và đào tạo những con người có ý thức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng được nhiều thế hệ cán bộ cách mạng thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước trên một tầm cao mới. Đó là những chiến sĩ cách mạng có thể giới quan và nhân sinh quan mới, sau này Người gọi đó là những con người mới xã hội chủ nghĩa, họ là những đảng viên đảng cộng sản, những đoàn viên thanh niên lao động, những chiến sĩ trong quân đội và công an nhân dân, những công nhân, nông dân trong sản xuất và chiến đấu. Người đặc biệt chú trọng tới công tác đào tạo cán bộ, đảng viên, gắn việc giáo dục lí luận với thực tiễn, lấy kết quả trong hoạt động thực tiễn làm thước đo tác dụng của giáo dục, đào tạo. Những bài học quý giá về công tác giáo dục, đào tạo con người mới đã được Người cô đọng trong hai tác phẩm nổi tiếng là Đường Kách mệnh và Sửa đổi lối làm việc với việc trình bày cặn kẽ từ kinh nghiệm công tác đến tư cách người cán bộ, đảng viên; từ các vấn đề lý luận đến các bài học trong thực tiễn công tác và chiến đấu.

Thứ ba, phương pháp xây dựng con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chú ý tới phương pháp nêu gương, thống nhất giữa lời nói với việc làm, giữa lý luận với thực tiễn. Gương mẫu trong việc làm, trong cuộc sống, mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trước quần chúng, nêu gương tốt để quần chúng noi theo. Người chủ trương viết sách về người tốt, việc tốt nhằm nêu gương những chiến công nổi bật, vang dội, những công việc ích nước lợi dân, từ đó lôi cuốn đông đảo nhân dân kể cả các cụ già, cháu nhỏ thi đua làm việc tốt. Đó cũng là cách khơi dậy các tiềm năng tốt đẹp như tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong mỹ tục sẵn có ở người Việt Nam. Đây là những chất liệu để xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Cùng với phương pháp nêu gương người tốt, việc tốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có cách nhìn người vừa bao dung, vừa sâu sắc để luôn khai thác những mặt tốt, tìm cách khơi dậy các mặt tốt. Người nói: “Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho mặt tốt của con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của con người cách mạng”(5).

Những luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người phát triển toàn diện còn nguyên giá trị cho đến ngày nay, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện đang được đặt ra một cách cấp thiết, khi nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Sự vận dụng của Đảng ta về vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện trong giai đoạn hiện nay

Trên cơ sở tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi con người là vốn quý nhất, là mục tiêu, là động lực của cuộc cách mạng. Quan điểm này được thể hiện thông qua các kỳ đại hội, đặc biệt tại Đại hội XII, Đảng đã bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới về xây dựng, phát triển con người. Những quan điểm này được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp, định hướng cụ thể trong hoạt động thực tiễn và phát triển kinh tế - xã hội.

2.1 Thực trạng và một số vấn đề xây dựng con người Việt Nam

Sau 30 năm đổi mới, sự nghiệp “trồng người” ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả. Nhà nước đã quan tâm thực hiện các chính sách xã hội để nâng cao đời sống cho người dân, thể hiện sâu sắc tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Hệ thống an sinh xã hội nói chung, hệ thống bảo hiểm nói riêng ở Việt Nam thay đổi theo hướng mở rộng đối tượng, loại hình như bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện). Nhà nước thực hiện chính sách cấp bảo hiểm y tế hỗ trợ chăm sóc sức khỏe miễn phí cho trẻ em đến 6 tuổi, hỗ trợ một số đối tượng chính sách, người nghèo. Các chính sách trợ giúp xã hội được mở rộng về quy mô và đối tượng, với mức trợ giúp ngày càng tăng...

Việc thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo những năm qua của Việt Nam được thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo, nâng cấp, làm mới, cải tạo các tuyến giao thông, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, đồng thời tiếp tục quan tâm tạo nguồn lực để dân cư đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề tăng thu nhập. Tại Đại hội XII, Đảng ta xác định một trong những mục tiêu quan trọng là: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của chiến lược phát triển”(6).

2.2 Quan điểm của Đảng về xây dựng con người phát triển toàn diện được thể hiện thông qua Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

Thứ nhất, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của chiến lược phát triển, là một trong những nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016 - 2020, đó là “xây dựng con người phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”(7). Đây là một bước tiến quan trọng của Đảng ta không chỉ coi trọng phát triển con người về mặt nhận thức, về mặt lý luận, mà còn biến thành nhiệm vụ cụ thể và hoạt động thực tiễn. Căn cứ để đưa ra nhiệm vụ tổng quát dựa trên sự đúc kết những giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đảng tạo điều kiện để con người giai đoạn hiện nay phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật một cách toàn diện. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tự hào dân tộc,

tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi những hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người, sự xuống cấp về đạo đức xã hội, để xây dựng thành công một xã hội tốt đẹp, văn minh và phát triển.

Thứ hai, gắn mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa với xây dựng con người.

Đại hội XII của Đảng khẳng định chủ trương gắn việc xây dựng văn hóa, con người với xây dựng và phát triển đất nước. Đây là bước phát triển trong tư duy lý luận của Đảng về lĩnh vực phát triển con người sau 30 đổi mới. Đại hội XII khẳng định phương hướng phát triển văn hóa là: “Xây dựng, phát triển văn hóa, con người... Gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước”(8), bởi vì con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời là sản phẩm của chính nền văn hóa do mình sáng tạo ra. Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, nói tới văn hóa là nói tới con người, con người giữ gìn phát huy giá trị văn hóa, nhưng chính con người cũng có thể làm mất đi giá trị tốt đẹp của văn hóa. Cho nên, việc xây dựng, phát triển văn hóa không thể tách khỏi xây dựng, phát triển con người. Qua cách diễn đạt này, Đảng đã khẳng định và nhấn mạnh vấn đề trọng tâm, cốt lõi của việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là xây dựng con người mới, con người phát triển toàn diện với nhân cách, lối sống, đạo đức tốt đẹp.

Thứ ba, Đảng ta khẳng định, vấn đề xây dựng con người là bốn trong sáu nhiệm vụ trung tâm của nhiệm kỳ Đại hội XII.

Vấn đề xây dựng con người được xem là nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ này. Trong đó có hai nhiệm vụ đề cập tới phát triển năng lực cho con người. Ngay ở nhiệm vụ đầu tiên về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta nhấn mạnh cần phải: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”(9).

Ở nhiệm vụ thứ ba, về tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, Đảng ta yêu cầu tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược, trong đó có: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”(10), có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với quan điểm nguồn nhân lực là vốn quý của đất nước, trong nhiệm vụ thứ năm, Đại hội XII của Đảng xác định: “Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân”(11). Khi đề cập tới vấn đề đạo đức, lối sống, nhân cách của con người để xây dựng con người phát triển toàn diện, trong nhiệm vụ thứ sáu, Đảng ta khẳng định: “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc”(12). Việc cụ thể hóa những yêu cầu trong xây dựng và phát triển con người toàn diện là thể hiện sự nhận thức đúng đắn của Đảng trước yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, của quá trình hội nhập quốc tế và xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Thứ tư, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp nhân dân ta đang thực hiện, diễn ra trên mọi mặt của đời sống và sản xuất. Sự nghiệp này được thực hiện bằng chính nguồn lực con người. Đó là những con người có tri thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ, về quản lý và

dịch vụ. Để phát triển, con người phải được trang bị vững chắc về học vấn nền tảng, đào tạo con người có trình độ tay nghề, nắm vững công nghệ, khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, hình thành phong cách lao động công nghiệp, lao động sáng tạo.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi người lao động phát triển cả đạo đức và nhân cách. Đó là đạo đức trung thực, đạo đức trong hành động, tự giác trong lao động. Biểu hiện của đạo đức cách mạng là sự thống nhất giữa lời nói với việc làm, giữa nhận thức và hành động, giữa động cơ và hiệu quả. Đạo đức đó đáp ứng được chuẩn mực đạo đức của xã hội mới, là điều kiện cơ bản để thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò nhân tố con người trong cách mạng Việt Nam với ba cấp độ: nhân dân nói chung; công nhân, nông dân, trí thức, bộ đội, cán bộ; và mỗi con người cụ thể (trừ bọn Việt gian, phản động). Người sử dụng “sức dân”, “sức người”, “trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”, “quyền hành đều ở nơi dân”(1) nhằm khẳng định nhân dân luôn ở vị trí cao nhất, địa vị làm chủ trong những vấn đề quan trọng nhất của cách mạng và xã hội. Dân vừa là chủ, vừa là người thực hiện công việc làm chủ, vừa là chủ thể, vừa là khách thể, là động lực, là mục tiêu của cách mạng Việt Nam.

Người khẳng định, con người là động lực to lớn quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà, xây dựng đời sống mới, tiến lên xã hội chủ nghĩa đều phải bắt đầu từ con người, từ việc phát huy nhân tố con người: “Có lực lượng dân chúng việc to tát đến mấy cũng làm được. Không có, việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”(2); “Dễ trăm lần không dân cũng chịu; khó trăm lần dân liệu cũng xong”(3).

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng vĩ đại nhưng đầy khó khăn phải biết phát huy nhân tố con người, phải *biết dùng người*, phát huy phẩm chất (đức) và năng lực (tài) của mỗi người. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa, đó là người có lòng nồng nàn yêu nước, trong sáng về đạo đức, xuất sắc về tài năng, vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Cần phải phát huy tiềm năng của nhân tố con người nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cho khối đại đoàn kết dân tộc để giải quyết những nhiệm vụ cách mạng; phải có biện pháp phát huy nhân tố con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng, Chính phủ hoạch định chính sách phục vụ lợi ích của dân tộc, tự do, ấm no hạnh phúc của nhân dân, bao quát các vấn đề của đời sống xã hội, nhất là an sinh xã hội, đồng thời thi hành hệ thống chính sách xã hội hướng tới con người, giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân và lợi ích tập thể, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Vận động, tuyên truyền, giáo dục để hình thành những động cơ, mục đích đúng đắn cho con người thông qua những phong trào cách mạng, đặc biệt là giáo

dục và đào tạo thế hệ trẻ, người chủ tương lai của đất nước. Đồng thời, Người nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ, bởi “cán bộ là gốc của công việc”.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người

Hiện nay, bên cạnh những thuận lợi, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định. Cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặt ra nhiều vấn đề mới cần được giải quyết trong bảo vệ độc lập, chủ quyền. Ở trong nước, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trong những năm đổi mới cũng còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Đặc biệt, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào một số đảng viên có chức vụ trong bộ máy Nhà nước... Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” (4). Các thế lực thù địch, phản động tăng cường thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng nước ta bằng các thủ đoạn tinh vi, nguy hiểm, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để chống phá.

Trước những khó khăn, thách thức đó, cần tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người, khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giữ vững và phát huy giá trị độc lập, tự do của dân tộc. Để thực hiện được điều đó, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Trước mắt, cần xây dựng hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng: “... nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”(5), đồng thời tạo môi trường, điều kiện để mỗi người tự rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành. Tập trung xây dựng con người Việt Nam: yêu nước; nhân ái, nghĩa tình; trung thực; đoàn kết; cần cù, sáng tạo. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng tri thức cho người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Cần gắn phát triển văn hóa với hoàn thiện con người Việt Nam; tăng cường giáo dục nghệ thuật nhằm bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người; bảo đảm quyền hưởng thụ của mỗi người dân và cộng đồng. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm và hành vi sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

Hai là, chăm lo xây dựng môi trường tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống lịch sử. Cần tập trung giáo dục lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh, kiên cường bất khuất của nhân dân ta, tuyên truyền sâu rộng về những anh hùng liệt sĩ, những tấm gương yêu nước tiêu biểu... làm cho mỗi người, mỗi thanh niên tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, soi mình vào những tấm gương ấy. Giáo dục truyền thống lịch sử cần diễn ra hàng ngày trong gia đình, nhà trường và xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa

xây dựng chuẩn mực đạo đức, tấm gương điển hình với “chống” mọi biểu hiện, hành vi trái với đạo lý, truyền thống của dân tộc; coi trọng giáo dục, rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước, làm cho mỗi người có khả năng tự đề kháng và tích cực đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Ba là, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là điều kiện để phát huy nhân tố con người, tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Do vậy, cần đẩy mạnh phát triển kinh tế trên cơ sở khai thác hiệu quả, tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Huy động mọi nguồn lực để tạo đột phá trong xóa đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất. Ưu tiên nguồn lực để tạo chuyển biến trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt dân chủ cơ sở, tôn trọng ý kiến của nhân dân, kiên quyết đấu tranh với tệ quan liêu, tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và các hoạt động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh của đất nước, coi trọng tiềm lực chính trị, thế trận lòng dân; kết hợp chặt chẽ thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án phòng, chống bạo loạn, gây rối, khủng bố; bảo đảm an ninh chính trị, an ninh tư tưởng văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, nhất là an ninh mạng. Tiếp tục xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất năng lực của cán bộ, chiến sĩ, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc trong mọi tình huống.

Năm là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Sự lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với quá trình phát huy sức mạnh của con người Việt Nam. Trong quá trình giành độc lập, tự do cũng như trong sự nghiệp đổi mới, đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, thống nhất và kiên quyết đấu tranh với các phần tử cơ hội. Đặc biệt, tập trung thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kết hợp chặt chẽ phê bình và tự phê bình trong Đảng với phê bình của quần chúng đối với các tổ chức Đảng, đội ngũ cán bộ đảng viên, luôn lắng nghe ý kiến đóng góp và nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa những khuyết điểm.

Hơn bất cứ dân tộc nào trên thế giới, dân tộc Việt Nam thấu hiểu sự vô giá của độc lập, tự do. Để giành được độc lập, tự do ấy, dân tộc ta đã phải đổi bằng xương máu và nước mắt của lớp lớp các thế hệ. Đó là sự hy sinh tự nguyện và anh dũng, là biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Chủ nghĩa yêu nước ấy được dẫn dắt bởi nhà tư tưởng lỗi lạc Hồ Chí Minh với tư tưởng phát huy cao độ nhân tố con người. Trong quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay, tư tưởng này của Người vẫn còn nguyên giá trị. Trong

điều kiện mới, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người để biến truyền thống, bản lĩnh, khí phách và trí tuệ người Việt Nam thành sức mạnh to lớn nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng của đời sống mới, là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, là mối quan hệ “với tư mình”. Hồ Chí Minh quan niệm cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là bốn đức tính của con người, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương, Bác viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất.
Thiếu một đức thì không thành người”

, và Người giải thích căn kẽ, nội dung từng khái niệm:

- **Cần** là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỉ lại, không dựa dẫm. Phải thấy rõ “lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi chúng ta”.

- **Kiệm** là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương, hình thức, ...”. Cần, kiệm là phẩm chất của tất cả người lao động trong đời sống, trong công tác.

- **Liêm** là trong sạch, là “luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân”; không tham địa vị, không tham tiền tài, ...”. Liêm là phẩm chất của người cán bộ trong thi hành công vụ.

- **Chính** là ngay thẳng, không tà, là đúng đắn, chính trực. Đối với mình không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết. Đối với việc thì đề việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Được giao nhiệm vụ gì quyết làm cho kỳ được, “việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm; việc ác dù nhỏ mấy cũng tránh”.

- **Chí công** là rất mực công bằng, công tâm; vô tư là không được có lòng riêng, thiên tư, thiên vị “tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán”, đem lòng chí công, vô tư đối với người, với việc. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Muốn “chí công vô tư” phải chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân.

Đây là chuẩn mực của người lãnh đạo, người “giữ cân cân công lý”, không được vì

lòng riêng mà chà đạp lên pháp luật.

- **Cần, kiệm, liêm, chính** có quan hệ chặt chẽ với nhau, với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Tư tưởng và tấm gương đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là những giá trị đạo đức cao đẹp của thời đại. Cán bộ, đảng viên là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, là người đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng. Để trở thành một người cán bộ, đảng viên tốt trong cơ quan, đơn vị; người công dân tốt trong xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên cần hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách là điều quan trọng, nhưng quan trọng hơn là phải làm cho đông đảo quần chúng hiểu đúng, tổ chức cho quần chúng thực hiện đúng và hiệu quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.